

ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA LUẬT SƯ THEO HỆ THỐNG COMMON LAW - HÀM Ý CHO VIỆT NAM

THÁI THỊ PHƯƠNG LAN*
NGUYỄN THỊ AN**

Bài viết phân tích địa vị pháp lý của luật sư tại một số quốc gia thuộc hệ thống Common Law và đối chiếu với Việt Nam trên tiêu chí: địa vị nghề nghiệp; quyền tham gia tố tụng; bảo đảm độc lập nghề nghiệp; cơ chế điều tiết, tự quản nghề nghiệp; quan hệ với Tòa án. Khác với cách tiếp cận đồng nhất Common Law với tố tụng tranh tụng, bài viết chỉ sử dụng đặc điểm tranh tụng trong phạm vi có liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư; đồng thời, đề xuất một số hàm ý cho Việt Nam, gồm: nâng cao tính độc lập của luật sư, tăng cường tranh tụng thực chất và phát triển cơ chế tự quản nghề nghiệp.

Từ khóa: Common Law; luật sư; tính độc lập; tranh tụng; địa vị pháp lý.

This article analyzes the legal status of lawyers in selected countries within the Common Law system and compares it with Viet Nam's, based on the following criteria: professional status; the right to participate in proceedings; safeguards for professional independence; mechanisms for professional regulation and self-regulation; and relations with the courts. Rather than equating Common Law with adversarial proceedings, the article considers adversarial features only insofar as they directly relate to lawyers' professional rights, obligations, and responsibilities. It also proposes several implications for Viet Nam, including enhancing lawyers' independence, strengthening substantive adversarial proceedings, and developing mechanisms for professional self-regulation.

Keywords: Common Law; lawyers; independence; adversarial proceedings; legal status.

NGÀY NHẬN: 20/7/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 21/9/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 06/10/2026

Email: thaithiphuonglan@ufm.edu.vn; nguyenthian@ufm.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.370.2026.1646>

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền và thúc đẩy bảo vệ quyền con người, vai trò của luật sư ngày càng được khẳng định như một yếu tố không thể thiếu của nền tư pháp hiện đại. Tại nhiều quốc gia theo hệ thống Common Law, luật sư là người cung cấp dịch vụ pháp lý hay đại diện cho khách

hàng trước cơ quan tài phán; đồng thời, được xem là chủ thể góp phần bảo vệ công lý, bảo đảm quyền tiếp cận công lý và kiểm soát việc thực thi quyền lực nhà nước (Luban, 1988). Luật sư được trao một vị thế đặc biệt trong

* TS, Trường Đại học Tài chính - Marketing

** ThS, Trường Đại học Tài chính - Marketing

hệ thống tư pháp với các bảo đảm về tính độc lập, quyền tự quản nghề nghiệp và quyền tham gia bình đẳng trong quá trình tố tụng (International Bar Association, 1990).

Các chuẩn mực quốc tế về nghề luật sư, đặc biệt là Basic Principles on the Role of Lawyers của Liên Hợp quốc và International Principles on Conduct for the Legal Profession của Hiệp hội Luật sư quốc tế đều nhấn mạnh, luật sư phải được bảo đảm tính độc lập và được bảo vệ khỏi mọi sự can thiệp không phù hợp khi thực hiện chức năng nghề nghiệp (United Nations, 1990; International Bar Association, 2011). Từ góc độ nghề nghiệp, ngoài nghĩa vụ đối với khách hàng, luật sư còn có nghĩa vụ đối với tòa án và công lý.

Tại Việt Nam, vị trí và vai trò của luật sư ngày càng được chú trọng trong các văn kiện chính trị và pháp luật. Theo *Luật Luật sư* năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012), xác định luật sư là chủ thể tham gia bảo vệ công lý, quyền con người và quyền công dân (Quốc hội, 2012). Đặc biệt, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) đã đặt ra yêu cầu tăng cường tranh tụng tại phiên tòa, nâng cao chất lượng hoạt động của luật sư và hoàn thiện các thiết chế hỗ trợ bảo vệ công lý. Tuy nhiên, trên thực tế, địa vị pháp lý của luật sư ở Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng nhất định của mô hình tố tụng thẩm vấn.

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích pháp lý, so sánh và tổng hợp tài liệu. Anh, Hoa Kỳ và Canada được lựa chọn vì cùng chịu ảnh hưởng sâu sắc của truyền thống Common Law nhưng có thiết chế quản lý nghề khác nhau. Cách tiếp cận này cho phép nhận diện những nguyên tắc có tính tham khảo chung và chỉ ra các giới hạn khi chuyển hóa kinh nghiệm vào Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận

Địa vị pháp lý phản ánh vị trí của chủ thể trong hệ thống pháp luật và là cơ sở để chủ thể tham gia vào các quan hệ pháp luật nhằm thực hiện các chức năng xã hội tương ứng (Viện Khoa học pháp lý, 2013). Trong

phạm vi bài nghiên cứu, địa vị pháp lý của luật sư gồm:

(1) *Quyền nghề nghiệp* là những khả năng xử sự được pháp luật thừa nhận nhằm bảo đảm cho luật sư thực hiện chức năng nghề nghiệp. Các quyền này bao gồm quyền hành nghề độc lập, quyền tiếp cận khách hàng, quyền tiếp cận thông tin và chứng cứ, quyền tham gia tố tụng và quyền đưa ra các lập luận pháp lý nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng.

(2) *Nghĩa vụ nghề nghiệp* là những yêu cầu bắt buộc mà luật sư phải tuân thủ trong quá trình hành nghề. Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ khẳng định: luật sư là người đại diện cho khách hàng nhưng cũng là một viên chức của hệ thống tư pháp - có trách nhiệm bảo vệ tính công bằng và hiệu quả của hệ thống tư pháp (American Bar Association, 2020).

(3) *Trách nhiệm nghề nghiệp* là hậu quả pháp lý phát sinh từ hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của luật sư. Đồng thời, cơ chế trách nhiệm nghề nghiệp còn đóng vai trò như một công cụ kiểm soát quyền lực nghề nghiệp, góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và chất lượng dịch vụ pháp lý.

Học thuyết pháp quyền được xem là nền tảng cốt lõi của hệ thống Common Law và là cơ sở lý luận quan trọng để xác định vị trí của luật sư trong cấu trúc quyền lực nhà nước. Tại Hoa Kỳ, luật sư giữ vai trò quan trọng trong các vụ kiện *Hiến pháp* và bảo vệ các quyền cơ bản trước sự can thiệp của Nhà nước (Rhode, 2000). Trong khi đó, tại Canada, luật sư là chủ thể quan trọng trong việc bảo vệ các quyền và hỗ trợ người dân tiếp cận công lý thông qua hệ thống trợ giúp pháp lý (Department of Justice Canada, 2022).

Đối với địa vị nghề nghiệp: ở Anh, duy trì sự phân biệt tương đối rõ giữa luật sư tranh tụng và luật sư tư vấn, sự khác biệt về chức năng nghề nghiệp, phạm vi hành nghề và truyền thống tham gia tố tụng. Còn Hoa Kỳ và phần lớn các tỉnh, thành phố của Canada áp dụng mô hình nghề luật sư hợp nhất, theo

đó, một luật sư có thể thực hiện hoạt động tư vấn và tranh tụng khi đáp ứng các điều kiện hành nghề theo pháp luật tương ứng.

Về quyền tham gia tố tụng: thẩm phán đóng vai trò trọng tài, còn các bên đương sự thông qua luật sư là chủ thể chính trong việc trình bày chứng cứ, xây dựng lập luận và bảo vệ quyền lợi của mình (Langbein, 1985). Tại Anh, The Police and Criminal Evidence Act 1984, Điều 58 về quyền tham vấn luật sư riêng khi bị giữ tại đồn cảnh sát; Criminal Procedure (Attendance of Witnesses) Act 1965, Điều 2 yêu cầu Tòa án cấp lệnh triệu tập nhân chứng, tài liệu. Quyền tranh tụng trước Tòa cấp cao mặc định thuộc về luật sư tranh tụng, luật sư tư vấn chỉ có quyền hạn chế. Tại Hoa Kỳ, luật sư tham gia khi tố tụng chỉ định luật sư cho bị cáo không đủ khả năng chi trả trong vụ trọng tội, luật sư giữ vai trò quyết định trong việc thu thập chứng cứ, thẩm vấn nhân chứng và xây dựng chiến lược tố tụng (Lawrence & Grant, 2017).

Quan hệ với Tòa án: luật sư được xác định vừa là người đại diện cho khách hàng, vừa là chủ thể tham gia vào việc bảo đảm sự vận hành công bằng và hiệu quả của hệ thống tư pháp. Địa vị pháp lý của luật sư được xây dựng trên cơ sở mối quan hệ kép giữa nghĩa vụ đối với khách hàng và nghĩa vụ đối với công lý (Luban, 1988). Tại Anh, nghĩa vụ đối với công lý có thể được đặt cao hơn nghĩa vụ đối với khách hàng. Tại Hoa Kỳ, luật sư hoạt động như một bên tranh tụng độc lập, bình đẳng với Thẩm phán. Ở Canada, có sự dung hòa giữa tôn nghiêm và nghĩa vụ, đó là luật sư vừa bảo vệ quyết liệt cho khách hàng, vừa là hợp tác tối đa với thẩm phán.

3. Nguyên tắc độc lập nghề nghiệp

Nguyên tắc này là một trong những nền tảng quan trọng xác định địa vị pháp lý của luật sư trong hệ thống Common Law. Chẳng hạn: tại Anh, tính độc lập của luật sư được bảo đảm thông qua cơ chế tự quản nghề nghiệp và hệ thống tư pháp độc lập (Bingham, 2010). Tại Hoa Kỳ, sự độc lập của luật sư gắn liền với quyền tự do hợp đồng và

nghĩa vụ trung thành tuyệt đối với khách hàng; được bảo vệ tối đa bởi đặc quyền bảo mật thông tin giữa luật sư và khách hàng. Ở Canada, khẳng định sự độc lập của luật sư khỏi nhà nước là điều kiện cốt lõi để duy trì nhà nước pháp quyền, cho phép luật sư bảo vệ khách hàng chống lại các cơ quan quyền lực công quyền mà không sợ bị trả thù hay hạn chế pháp lý.

Trong các quốc gia Common Law, tính độc lập nghề nghiệp của luật sư được bảo đảm thông qua cơ chế tự quản nghề nghiệp. Tại Hoa Kỳ, cơ chế tự quản được tổ chức theo từng bang thông qua Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ (ABA) đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ tính độc lập của giới luật sư; nhiều bang bắt buộc luật sư phải là thành viên của Hiệp hội Luật sư bang để hành nghề, hoạt động dưới sự giám sát tối cao của Tòa án Tối cao tiểu bang đó. Ở Canada, cơ chế tự quản mang tính tập trung và có thẩm quyền tối cao tại cấp tỉnh thông qua các đoàn luật sư. Vì vậy, nghĩa vụ bảo mật và quyền từ chối tiết lộ thông tin là điều kiện quan trọng để luật sư đại diện và bảo vệ khách hàng một cách hiệu quả. Đồng thời, mức độ độc lập của luật sư thường được xem là một chỉ báo quan trọng phản ánh mức độ phát triển của nền tư pháp và nhà nước pháp quyền trong các quốc gia theo hệ thống Common Law.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Sự tương đồng giữa pháp luật Việt Nam và chuẩn mực quốc tế về địa vị pháp lý của luật sư

Qua nghiên cứu hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012), tư duy lập pháp về cấu trúc và bản chất nghề nghiệp đã có những bước chuyển dịch mang tính chiến lược, tương đồng với các học thuyết pháp lý nền tảng của hệ thống Common Law. Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) ghi nhận quyền tự bào chữa hoặc nhờ luật sư (khoản 4 Điều 31), nguyên tắc tranh tụng trong xét xử

(khoản 5 Điều 103) và quyền bào chữa (khoản 7 Điều 103) (Quốc hội, 2013, 2025). *Luật Luật sư* năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012) xác định nguyên tắc hành nghề gồm độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan (khoản 3 Điều 5) và nguyên tắc kết hợp quản lý nhà nước với phát huy vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp (Điều 6). *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 quy định người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can, hoặc từ khi người bị bắt, bị giữ có mặt tại trụ sở cơ quan điều tra (Điều 74); quyền gặp người bị tạm giữ, tạm giam (điểm a khoản 1 Điều 73, Điều 80) và tranh luận tại phiên tòa (Điều 26, Điều 322). Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam do Hội đồng Luật sư toàn quốc ban hành cụ thể hóa các chuẩn mực về liêm chính, bảo mật thông tin và ứng xử nghề nghiệp (Hội đồng Luật sư toàn quốc, 2019a, 2019b).

Sự công nhận này, tạo cơ sở để luật sư thực hiện các quyền tố tụng nhân danh khách hàng; đồng thời, cụ thể hóa nguyên tắc bảo đảm quyền được bảo vệ bằng pháp luật và quyền tiếp cận công lý. Pháp luật Việt Nam cũng đã tiếp cận quy định về nghĩa vụ kép của luật sư đối với khách hàng và tòa án.

4.2. Những hạn chế, bất cập

Thứ nhất, tính độc lập nghề nghiệp của luật sư mới dừng ở việc xác lập chuẩn mực nghề nghiệp mà chưa ghi nhận đầy đủ tính độc lập nghề nghiệp như một quyền cơ bản của luật sư trong quá trình hành nghề. Trong hệ thống Common Law, tính độc lập là yêu cầu tất yếu, là điều kiện tiên quyết để luật sư thực hiện chức năng phản biện mà không phải chịu bất kỳ sự can thiệp, áp lực hay nỗi sợ hãi nào từ phía quyền lực công nhằm bảo đảm tối đa quyền bào chữa. Tại Việt Nam, khoản 3 Điều 5 và khoản 2 Điều 9 *Luật Luật sư* năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012) đã nêu rõ nguyên tắc hành nghề độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan, nghiêm cấm mọi hành vi cản trở luật sư. Tuy nhiên, quyền độc lập này đang gặp phải nhiều thách thức do những rào cản trong thực tế triển khai.

Trở ngại lớn nhất chính là việc luật sư vẫn gặp nhiều khó khăn để thực hiện quyền tiếp cận, nghiên cứu và sao chụp hồ sơ vụ án tại các cơ quan tiến hành tố tụng. Mặc dù Điều 82 đã quy định về đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án và khoản 1 Điều 73 *Bộ luật Tố tụng Hình sự* năm 2015 trao quyền sao chụp tài liệu (Quốc hội, 2015), nhưng trên thực tiễn các quy trình này còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc (Liên đoàn Luật sư Việt Nam, 2026).

Bên cạnh đó, Điều 74 *Bộ luật Tố tụng Hình sự* năm 2015 quy định rõ người bào chữa được tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can hoặc ngay từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở, nhưng thực quyền này lại bị bó buộc bởi các quy định mang tính thủ tục hành chính thay vì quyền tố tụng; tại điểm b khoản 1 Điều 73 người bào chữa tham dự cuộc làm việc, hỏi cung theo kế hoạch của cơ quan điều tra, điều tra viên; chỉ được đặt câu hỏi khi được điều tra viên đồng ý, nếu được phép đặt câu hỏi và trả lời thì nội dung phải ghi rõ trong biên bản, luật sư đọc lại, xác nhận và ký tên trên biên bản. Những rào cản hành chính này làm suy giảm đáng kể tư thế độc lập tự chủ của luật sư.

Thứ hai, vị thế của luật sư trong cấu trúc tố tụng chưa đạt được sự bình đẳng tuyệt đối. Dù nguyên tắc tranh tụng đã được hiến định tại khoản 5 Điều 103 *Hiến pháp* năm 2013 và cụ thể hóa thông qua nguyên tắc cơ bản tại Điều 26 *Bộ luật Tố tụng Hình sự* năm 2015. Thực tế phần lớn thời hạn cấp Thông báo đăng ký bào chữa không được bảo đảm trong thời hạn 24 giờ. Vấn đề về hiệu lực giá trị Thông báo đăng ký bào chữa qua các giai đoạn tố tụng hình sự, thủ tục cấp và thu hồi Thông báo đăng ký người bảo vệ quyền lợi cho đương sự trong tố tụng hình sự cũng chưa được làm rõ.

Sự mất cân bằng này dẫn đến hệ quả, các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là Cơ quan Điều tra và Viện Kiểm sát luôn nắm giữ vị thế áp đảo toàn diện về quyền lực pháp lý, công cụ tố tụng lấn nguồn lực thực tế so với luật sư.

Điều này minh chứng rất rõ qua sự bất đối xứng về mặt công cụ pháp lý trong hoạt động thu thập chứng cứ. Quyền thu thập chứng cứ của luật sư tại khoản 2 Điều 88 *Bộ luật Tố tụng Hình sự* năm 2015 thực tế chỉ dừng lại ở các phương thức mang tính bị động và phụ thuộc vào sự tự nguyện của các chủ thể liên quan thông qua việc tiếp xúc với người biết về vụ án hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu. Điều này khiến khả năng chứng minh và phản biện của luật sư gặp nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến tính thực chất của hoạt động tranh tụng và hiệu quả bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự.

Tại các phiên tòa, nguyên tắc tranh tụng chưa được vận hành thực chất khi các luận điểm, chứng cứ và lập luận phản bác do luật sư đưa ra đôi khi chưa được Hội đồng xét xử xem xét, đối thoại và thảo luận một cách khách quan, toàn diện và mang tính đối thoại thực chất. Luật sư chưa được tôn trọng đúng mực với tư cách là một chủ thể độc lập, có vị thế ngang hàng với bên buộc tội nhằm cùng Tòa án tìm kiếm sự thật khách quan của vụ án như tinh thần của hệ thống tố tụng tranh tụng Common Law.

Thứ ba, cơ chế tự quản nghề nghiệp của tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư tại Việt Nam thông qua Đoàn Luật sư và Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Khác với các quốc gia thuộc hệ thống Anh - Mỹ, các Hiệp hội luật sư sở hữu quyền tự quản tối cao; họ có toàn quyền quyết định từ khâu tổ chức sát hạch, cấp phép hành nghề, giám sát đạo đức cho đến thực thi chế tài kỷ luật, tước thẻ hành nghề mà không chịu sự can thiệp từ cơ quan hành pháp.

Đối chiếu với thực trạng Việt Nam, quyền tự quản của Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các Đoàn Luật sư địa phương còn tương đối hạn chế khi vẫn chịu sự ràng buộc, giám sát và quản lý nhà nước chặt chẽ từ phía các cơ quan hành chính, như: Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mô hình đồng quản lý đã không còn phù hợp, làm suy giảm tính chủ động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp (Bộ Tư

pháp, 2026). Hiện nay, cơ chế tự quản của tổ chức nghề nghiệp luật sư chủ yếu tập trung vào việc ban hành, giám sát các chuẩn mực ứng xử nội bộ thông qua Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam cùng Quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý kỷ luật đối với các thành viên vi phạm.

5. Hàm ý cho Việt Nam

Thứ nhất, cần xác định luật sư là một bộ phận cấu thành của nền tư pháp, có chức năng bảo vệ công lý, quyền con người và bảo đảm quyền tiếp cận công lý của công dân. Trên phương diện thể chế, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định của *Luật Luật sư* và pháp luật tố tụng theo hướng khẳng định rõ vai trò bình đẳng của luật sư với các chủ thể tố tụng khác trong hoạt động tranh tụng. Sự thay đổi này sẽ góp phần nâng cao địa vị pháp lý của luật sư và thúc đẩy quá trình cải cách tư pháp theo hướng dân chủ, hiện đại và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, tăng cường tính độc lập nghề nghiệp của luật sư. Theo đó, có cơ chế bảo đảm luật sư được hành nghề độc lập, không bị can thiệp trái pháp luật trong quá trình thực hiện chức năng bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng. Đồng thời, cần hoàn thiện các biện pháp bảo vệ luật sư trước những áp lực hoặc cản trở từ các chủ thể khác trong hoạt động tố tụng, như bổ sung Điều 21 *Luật Luật sư* về quyền luật sư được độc lập trong hoạt động nghề nghiệp và không bị can thiệp trái pháp luật vào hoạt động hành nghề luật sư theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, bảo đảm cơ chế tranh tụng thực chất trong tố tụng tư pháp. Cần mở rộng và bảo đảm hiệu quả các quyền của luật sư trong việc tiếp cận hồ sơ, thu thập chứng cứ, gặp gỡ người bị buộc tội và tham gia tranh tụng bình đẳng với bên buộc tội. Đồng thời, hoàn thiện cơ chế bảo đảm để các kiến nghị, yêu cầu và lập luận của luật sư được các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét, đánh giá một cách khách quan và bình đẳng với quan điểm của bên buộc tội; cần tiếp tục bổ sung Điều

322 *Bộ luật Tố tụng Hình sự* năm 2015: chủ tọa phiên tòa phải tạo điều kiện cho kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả cơ chế tự quản nghề nghiệp. Cần tăng cường vai trò của Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các đoàn luật sư trong quản lý nghề nghiệp, giám sát việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ quyền hành nghề hợp pháp của luật sư. Kinh nghiệm Common Law cho thấy, cơ chế tự quản hiệu quả là một trong những bảo đảm quan trọng đối với tính độc lập của nghề luật sư. Theo đó, phân định rõ ranh giới giữa quản lý nhà nước và tự quản nghề nghiệp, bảo đảm các tổ chức luật sư có đủ thẩm quyền và điều kiện để thực hiện hiệu quả chức năng quản lý nội bộ theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Việc tiếp thu kinh nghiệm Common Law cần được đánh giá theo điều kiện tương thích về thực thi quyền lực nhà nước, tổ chức bộ máy tư pháp, pháp luật tố tụng hình sự, cơ chế quản lý nghề luật sư □

Tài liệu tham khảo:

- American Bar Association (2020). *Model Rules of Professional Conduct*, Rule 81 - 83. https://www.americanbar.org/groups/professional_responsibility/publications/model_rules_of_professional_conduct/model_rules_of_professional_conduct_table_of_contents/
- Bingham, T. (2010). *The Rule of Law*. Publisher: Penguin Global.
- Bộ Tư pháp (2026). *Báo cáo số 422/BC-BTP ngày 10/6/2026 về tổng kết thi hành Luật Luật sư*.
- Department of Justice Canada (2022). *Legal Aid in Canada 2021-22*. https://www.justice.gc.ca/eng/rp-pr/jr/aid-aide/2021/docs/rsd_r2022_legal-aid-in-canada-2020-21-eng.pdf
- Friedman, L. M., & Hayden, G. M. (2017). *American law: An introduction* (3rd ed.). Oxford University Press.
- Hội đồng Luật sư toàn quốc (2019a). *Quyết định số 201/QĐ-HDLSTQ ngày 13/12/2019 ban hành Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam*.
- Hội đồng Luật sư toàn quốc (2019b). *Quyết định số 203/QĐ-HDLSTQ ngày 19/12/2019 ban hành Quy chế giải quyết khiếu nại tố cáo, xử lý kỷ luật*.
- International Bar Association (1990). *The IBA Standards for the independence of the legal profession*. <https://www.ibanet.org/MediaHandler?id=F68BBBA5-FD1F-426F-9AA5-48D26B5E72E7>
- International Bar Association (2011). *IBA International principles on conduct for the legal profession*. https://www.icj.org/wp-content/uploads/2014/10/IBA_International_Principles_on_Conduct_for_the_legal_prof.pdf
- Kim Ngọc Tuấn (2024). *Nâng cao địa vị pháp lý của luật sư bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*. *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 5, tr. 35 - 38.
- Langbein, J. H. (1985). *The German advantage in civil procedure*. *University of Chicago Law Review*, 52(4). pp. 823-866. https://law.yale.edu/sites/default/files/documents/pdf/Faculty/Langbein_The_German_Advantage_in_Civil_Procedure.pdf
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam (2026). *Công văn số 463/LĐLSVN ngày 21/9/2026 về tiếp tục góp ý dự thảo Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi), bản cập nhật ngày 18/8/2026*.
- Luban, David. (1988). Chapter 2. LAWYERS AGAINST THE LAW. *Lawyers and Justice: An Ethical Study*. Princeton: Princeton University Press, 1989. pp. 11-30. <https://doi.org/10.1515/9780691187556-005>.
- Quốc hội (2006, 2012). *Luật Luật sư* năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012).
- Quốc hội (2013, 2025). *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).
- Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng Hình sự* năm 2015.
- Rhode, D. L. (2000). *In the interests of justice: Reforming the legal profession*. Oxford University Press.
- United Nations (1990). *Basic principles on the role of lawyers*. <https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/basic-principles-role-lawyers>
- Viện Khoa học pháp lý (2013). *Từ điển Luật học*. Nxb Tư pháp, tr. 268.